CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Sơn	Thành viên
Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Mai Xuân Sơn	Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Lãnh đạo Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Lãnh đạo Công ty, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty,

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ

Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 194 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp").

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 10, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 2, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Bình Dương
Số 12 đường số 5, tổ 19
Khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến (i) Thuyết minh số 8 - Phải thu ngắn hạn khác, Thuyết minh số 19 - Phần trả dài hạn khác phần Thuyết minh báo cáo tài chính liên quan đến Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh; và (ii) Thuyết minh số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính – Thông tin so sánh.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Chử Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Lê Bình Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 5914-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**505.843.585.723**	**488.548.183.447**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**10.361.187.081**	**15.683.648.211**
1. Tiền	111		2.361.187.081	7.683.648.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	8.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**477.000.000.000**	**452.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		477.000.000.000	452.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**14.636.364.185**	**17.246.550.348**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.754.707.568	2.521.249.787
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	368.659.803	481.359.245
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.976.105.174	17.707.049.676
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.463.108.360)	(3.463.108.360)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**2.308.403.539**	**1.772.458.246**
1. Hàng tồn kho	141		2.308.403.539	1.772.458.246
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.537.630.918**	**1.845.526.642**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	505.580.694	817.994.263
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.023.993.780	987.123.242
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	8.056.444	40.409.137
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**361.422.727.317**	**363.692.256.842**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**16.227.277.153**	**16.227.277.153**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	1.326.861.998	1.326.861.998
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	16.094.277.153	16.094.277.153
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	9	(1.193.861.998)	(1.193.861.998)
II. Tài sản cố định	**220**		**12.127.410.849**	**12.062.989.100**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	12.127.410.849	12.062.989.100
- Nguyên giá	*222*		*73.789.332.880*	*72.337.336.516*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(61.661.922.031)*	*(60.274.347.416)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	*228*		*848.391.000*	*848.391.000*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(848.391.000)*	*(848.391.000)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**14**	**37.641.146.991**	**38.694.046.203**
- Nguyên giá	231		40.097.911.819	40.097.911.819
- Giá trị hao mòn luỹ kế	232		(2.456.764.828)	(1.403.865.616)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**26.255.139.197**	**25.395.162.048**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	26.255.139.197	25.395.162.048
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**267.680.895.182**	**270.192.592.658**
1. Đầu tư vào công ty con	251		132.398.800.528	132.398.800.528
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		118.295.916.034	118.295.916.034
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		70.216.359.469	70.216.359.469
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.230.180.849)	(50.718.483.373)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.490.857.945**	**1.120.189.680**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.015.306.600	637.203.038
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		475.551.345	482.986.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**867.266.313.040**	**852.240.440.289**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính tổng hợp này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**41.865.727.493**	**42.363.064.415**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**27.405.481.606**	**27.552.977.628**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.363.069.742	4.630.116.042
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	5.478.862.170	7.582.561.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	236.098.379	97.816.724
4. Phải trả người lao động	314		2.725.434.842	3.044.637.760
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.324.826.214	719.119.831
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		242.204.125	447.326.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	799.527.960	804.547.631
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.000.000.000	2.000.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.235.458.174	8.226.852.440
II. Nợ dài hạn	**330**		**14.460.245.887**	**14.810.086.787**
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	14.460.245.887	14.810.086.787
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**825.400.585.547**	**809.877.375.874**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**825.400.585.547**	**809.877.375.874**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		769.000.000.000	769.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*769.000.000.000*	*769.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		659.046	659.046
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		26.816.259.038	16.914.888.176
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.583.667.463	23.961.828.652
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(9.220.310.000)*	*(9.220.310.000)*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	*421b*		*38.803.977.463*	*33.182.138.652*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**867.266.313.040**	**852.240.440.289**

Mai Xuân Sơn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Trần Hòa Bình
Kế toán trưởng

Trần Hòa Bình
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**195.204.188.060**	**191.125.796.799**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.624.066.441	10.105.387.537
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**22**	**184.580.121.619**	**181.020.409.262**
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	23	172.703.101.536	169.464.741.499
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**11.877.020.083**	**11.555.667.763**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	70.321.446.726	64.588.747.654
7. Chi phí tài chính	22	25	2.523.747.110	1.196.768.767
8. Chi phí bán hàng	25	26	19.780.282.926	18.821.501.146
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	22.431.546.085	23.058.696.968
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**37.462.890.688**	**33.067.448.536**
11. Thu nhập khác	31		2.031.145.949	1.636.094.777
12. Chi phí khác	32		690.059.174	1.521.404.661
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**1.341.086.775**	**114.690.116**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**38.803.977.463**	**33.182.138.652**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**38.803.977.463**	**33.182.138.652**

M.S.D.N: 0100105721-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT HÀ
Q. HAI BÀ TRƯNG

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	200.582.396.123	202.616.597.799
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(202.155.381.778)	(198.337.431.096)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.867.245.177)	(14.891.252.381)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.654.795.039	2.044.463.776
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(17.619.261.738)	(15.796.362.189)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	**(32.404.697.531)**	**(24.363.984.091)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(2.264.973.513)	(677.753.455)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(51.000.000.000)	(32,507.600.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	26.000.000.000	13.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	73.647.140.604	61.738.010.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***46.382.167.091***	***41.552.656.645***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.300.019.920)	(12.297.336.005)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(19.300.019.920)***	***(12.297.336.005)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(5.322.550.360)**	**4.891.336.549**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**15.683.648.211**	**10.792.259.967**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	89.230	51.695
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**10.361.187.081**	**15.683.648.211**

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Việt Hà, doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 495/QĐ-UB ngày 26 tháng 01 năm 1993 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội, Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 13 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và Quyết định số 3468/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty Sản xuất Kinh doanh Đầu tư và Dịch vụ Việt Hà thành Công ty TNHH Một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100103721 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 11 năm 2010 và các Giấy chứng nhận thay đổi. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần cấp thay đổi lần thứ 09 ngày 12 tháng 7 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 254 Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý buôn lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong cửa hàng chuyên doanh; Đại lý bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn tổng hợp: Kinh doanh thiết bị trường học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn dược phẩm; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng (trừ răng giả);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng bệnh viện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng: Trang trí nội thất;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Lập dự án đầu tư xây dựng công trình (không bao gồm lập dự toán, tổng dự toán và chi phí đầu tư xây dựng công trình);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh: Sản xuất mỹ phẩm;
- Điều hành tua du lịch: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Sản xuất chế biến thực phẩm; Sản xuất đồ uống;
- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất bao bì từ plastic;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

Hoạt động chính

- Bán buôn đồ uống: Bán buôn đồ uống có cồn; Bán buôn đồ uống không có cồn;
- Bán lẻ lương thực thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ: Bán lẻ đồ uống lưu thông tại chợ;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Khả năng so sánh của báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được trình bày lại, chi tiết tại Thuyết minh số 32.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tổng hợp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị phụ thuộc của Công ty

Công ty có 01 đơn vị phụ thuộc: Nhà máy nước tinh khiết Opal; Địa chỉ: Số 300 Trường Chinh, phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nước tinh khiết.

Danh sách các công ty con

1. Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội;
2. Công ty Cổ phần Tràng An;
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế.

Danh sách các công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà;
2. Công ty Cổ phần Đồng Tháp;
3. Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà;
4. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 5.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo tài chính văn phòng và báo cáo Nhà máy Nước tinh khiết Opal và loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Lãnh đạo Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Lãnh đạo Công ty, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Theo đó, Ban Lãnh đạo Công ty đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
b) Bất động sản đầu tư xác định được giá trị hợp lý được trình bày cụ thể tại các Thuyết minh số 14;
c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại; Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35
Máy móc, thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị của phần mềm máy tính. Các phần mềm này được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là diện tích sàn thương mại do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 38 năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế kinh doanh được xác định theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 phân bổ trong vòng 03 năm; Giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa tài sản và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế chưa sử dụng là 5.189.785.684 VND (Văn phòng Công ty đã quyết toán thuế hết năm 2022; Nhà máy Opal quyết toán thuế hết năm 2018) có thể sử dụng để chuyển lỗ vào các năm tiếp theo, nhưng không quá 05 năm kể từ năm phát sinh lỗ. Tuy nhiên trong báo cáo này, Công ty không xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho số lỗ này do Công ty chưa chắc chắn về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội	Cổ đông chiếm 51,04% vốn điều lệ
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	Cổ đông chiếm 36,10% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Đức Duy	Cổ đông chiếm 12,56% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thời trang Quốc tế Ngôi Sao	Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội
Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T	Công ty mẹ của Công ty TNHH Hàng tiêu dùng và Dịch vụ Thương mại T&T là Công ty mẹ của Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần
Công ty Cổ phần Thương mại Tràng An - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 2 - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Bánh kẹo Tràng An 3 - Việt Nam	Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tràng An là đại diện theo pháp luật
Các thành viên Ban Lãnh đạo	Lãnh đạo chủ chốt

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập và công bố cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty, do đó Công ty không trình bày thông tin số dư và giao dịch với Bên liên quan trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	124.745.161	230.825.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.236.441.920	7.296.053.731
Tiền đang chuyển	-	156.769.161
Các khoản tương đương tiền (i)	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	**10.361.187.081**	**15.683.648.211**

Ghi chú:

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng với lãi suất 3,9%/năm đến 4,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Ba Đình.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	***477.000.000.000***	***477.000.000.000***	***452.000.000.000***	***452.000.000.000***
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	477.000.000.000	477.000.000.000	452.000.000.000	452.000.000.000

Ghi chú:

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn còn không quá 12 tháng với lãi suất từ 4,9% - 6,2%/năm tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc (i)	Giá trị sổ sách (ii) (Trình bày lại)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
	VND		VND	VND	VND		VND	VND
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào công ty con	***131.169.900.000***	***132.398.800.528***	***(53.222.183.437)***		***131.169.900.000***	***132.398.800.528***	***(50.712.874.164)***	
Công ty CP Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	8.925.000.000	22.392.294.171	-	(*)	8.925.000.000	22.392.294.171	-	(*)
Công ty CP Tràng An	11.491.000.000	52.136.859.827	-	(*)	11.491.000.000	52.136.859.827	-	(*)
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	18.603.900.000	23.591.020.260	(23.591.020.260)	(*)	18.603.900.000	23.591.020.260	(23.591.020.260)	(*)
Công ty CP Rượu Quốc tế	92.150.000.000	34.278.626.270	(29.631.163.177)	(*)	92.150.000.000	34.278.626.270	(27.121.853.904)	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	***114.275.600.000***	***118.295.916.034***	-		***114.275.600.000***	***118.295.916.034***	-	
Công ty CP Giầy Ngọc Hà	5.572.000.000	6.853.805.351	-	(*)	5.572.000.000	6.853.805.351	-	(*)
Công ty CP Đồng Tháp	3.540.000.000	-	-	(*)	3.540.000.000	-	-	(*)
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	80.000.000.000	83.492.146.506	-	(*)	80.000.000.000	83.492.146.506	-	(*)
Công ty CP Dược phẩm Hà Nội	25.163.600.000	27.949.964.177	-	82.795.793.080	25.163.600.000	27.949.964.177	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	***55.380.500.000***	***70.216.359.469***	***(7.997.412)***		***55.380.500.000***	***70.216.359.469***	***(5.609.209)***	
Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	4.116.500.000	4.243.268.969	-	(*)	4.116.500.000	4.243.268.969	-	(*)
Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội	37.264.000.000	51.964.327.530	-	(*)	37.264.000.000	51.964.327.530	-	(*)
Công ty CP Đô thị sinh thái Vân Nội	14.000.000.000	14.008.762.970	(7.997.412)	(*)	14.000.000.000	14.008.762.970	(5.609.209)	(*)
Cộng	**300.826.000.000**	**320.911.076.031**	**(53.230.180.849)**		**300.826.000.000**	**320.911.076.031**	**(50.718.483.373)**	

Ghi chú:

(i) Giá gốc các khoản đầu tư theo số liệu trước thời điểm chuyển sang Công ty Cổ phần.
(ii) Giá trị các khoản đầu tư ghi nhận trên sổ sách theo số liệu bàn giao từ Công ty TNHH Một thành viên sang Công ty Cổ phần.
(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc niên độ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tóm tắt tình hình hoạt động công ty con/ công ty liên doanh/ công ty liên kết trong năm:

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Bánh mứt kẹo Hà Nội và Công ty Cổ phần Tràng An hoạt động có lãi; Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà và Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế hoạt động lỗ.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà và Công ty Liên doanh TNHH Crown Hà Nội được công ty khác kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Đồng Tháp; Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà; Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội chưa được kiểm toán.

Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Đô thị sinh thái Vân Nội.

c) Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Đầu tư vào công ty con					
Công ty Cổ phần Bánh Mứt Kẹo Hà Nội	Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	892.500	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh các loại bánh, mứt, kẹo
Công ty Cổ phần Tràng An	Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	1.149.100	51,76%	51,76%	Sản xuất các loại bánh từ bột; Sản xuất cacao, socola và mứt kẹo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Hà	Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	1.860.390	88,59%	88,59%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần Rượu Quốc tế	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	9.215.000	68,44%	68,44%	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Giầy Ngọc Hà	Huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	557.200	29,33%	29,33%	Sản xuất giày dép
Công ty Cổ phần Đồng Tháp	Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	354.000	25,29%	25,29%	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Việt Hà	Huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	8.000.000	37,23%	37,23%	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Nội	Quận Đống đa, thành phố Hà Nội	2.516.360	40,00%	40,00%	Sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, phòng bệnh phục vụ sức khỏe con người

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	255.237.803
Nhà máy Bia Đông Nam Á	164.253.835	164.253.835
Phải thu các đối tượng khác	2.335.215.930	2.101.758.149
Cộng	**2.754.707.568**	**2.521.249.787**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	***368.659.803***	***481.359.245***
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC	161.000.000	161.000.000
Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường Hà Nội	-	112.699.442
Công ty TNHH Giải pháp Năng suất Chất lượng	108.500.000	108.500.000
Các đối tượng khác	99.159.803	99.159.803
b) Trả trước cho người bán dài hạn	***1.326.861.998***	***1.326.861.998***
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	1.030.636.998
Trung tâm Kiểm định Chất lượng và Kinh tế xây dựng Hà Nội	163.225.000	163.225.000
Các đối tượng khác	133.000.000	133.000.000
Cộng	**1.695.521.801**	**1.808.221.243**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***14.976.105.174***	***1.215.261.342***	***17.707.049.676***	***1.215.261.342***
Tạm ứng	3.438.440.551	905.657.851	3.321.973.019	905.657.851
Phải thu khác	11.537.664.623	309.603.491	14.385.076.657	309.603.491
- Lãi tiền gửi ngân hàng	*10.248.334.253*	-	*13.813.693.151*	-
- Phải thu các đối tượng khác	*1.289.330.370*	*309.603.491*	*571.383.506*	*309.603.491*
b) Dài hạn	***16.094.277.153***	-	***16.094.277.153***	-
Công ty CP Thăng Long - Đông Anh (i)	16.094.277.153	-	16.094.277.153	-
Cộng	**31.070.382.327**	**1.215.261.342**	**33.801.326.829**	**1.215.261.342**

Ghi chú:

(i) Khoản tiền thuê đất và thuế đất trả thay cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh thực hiện dự án theo Hợp đồng góp vốn số 27/2009/HĐGV ngày 30 tháng 7 năm 2009 về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh" và Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15 tháng 9 năm 2016, Phụ lục I ngày 16 tháng 9 năm 2016 về việc Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình trong Dự án cho Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có Công văn số 1800/UBND-KH&ĐT về việc nhà đầu tư tự quyết định chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020. Đến ngày phát hành báo cáo kiểm toán này, Công ty và Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh chưa tự thanh lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thanh lý tài sản khi dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	***3.463.108.360***	-	***3.463.108.360***	-
Công ty TNHH Trần Liên Hưng	255.237.803	-	255.237.803	-
Ông Phan Quang Lễ	309.603.491	-	309.603.491	-
Ông Lê Khắc Huy	495.103.751	-	495.103.751	-
Ông Đỗ Đức Chiến	353.966.000	-	353.966.000	-
Các đối tượng khác	2.049.197.315	-	2.049.197.315	-
b) Dài hạn	***1.193.861.998***	-	***1.193.861.998***	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	1.030.636.998	-	1.030.636.998	-
Trung tâm kiểm định chất lượng và KTXD	163.225.000	-	163.225.000	-
Cộng	**4.656.970.358**	-	**4.656.970.358**	-

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	98.759.361	-	75.600.438	-
Công cụ, dụng cụ	1.183.498.588	-	1.219.196.445	-
Chi phí SXKD dở dang	3.573.815	-	4.939.407	-
Thành phẩm	44.009.513	-	55.896.192	-
Hàng hóa	978.562.262	-	416.825.764	-
Cộng	**2.308.403.539**	-	**1.772.458.246**	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***505.580.694***	***817.994.263***
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	55.599.802	23.385.085
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	449.980.892	794.609.178
b) Dài hạn	***1.015.306.600***	***637.203.038***
Công cụ dụng cụ xuất dùng	88.398.622	206.711.211
Hoa hồng môi giới cho thuê sàn thương mại	147.657.437	198.656.829
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	526.337.215	191.892.896
Chi phí trả trước dài hạn khác	252.913.326	39.942.102
Cộng	**1.520.887.294**	**1.455.197.301**

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**26.339.975.159**	**35.442.451.008**	**7.309.580.818**	**3.245.329.531**	**72.337.336.516**
- Mua trong năm	-	-	1.451.996.364	-	1.451.996.364
Số dư cuối năm	**26.339.975.159**	**35.442.451.008**	**8.761.577.182**	**3.245.329.531**	**73.789.332.880**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**15.704.809.479**	**35.019.176.433**	**6.739.962.776**	**2.810.398.728**	**60.274.347.416**
- Khấu hao trong năm	1.076.389.715	159.429.789	112.449.162	39.305.949	1.387.574.615
Số dư cuối năm	**16.781.199.194**	**35.178.606.222**	**6.852.411.938**	**2.849.704.677**	**61.661.922.031**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	**10.635.165.680**	**423.274.575**	**569.618.042**	**434.930.803**	**12.062.989.100**
Số dư cuối năm	**9.558.775.965**	**263.844.786**	**1.909.165.244**	**395.624.854**	**12.127.410.849**

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 46.062.113.494 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 45.890.514.894 VND).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**848.391.000**	**848.391.000**
Số dư cuối năm	**848.391.000**	**848.391.000**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**848.391.000**	**848.391.000**
- Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	**848.391.000**	**848.391.000**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 848.391.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 848.391.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	**40.097.911.819**	**40.097.911.819**
Số dư cuối năm	**40.097.911.819**	**40.097.911.819**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	**1.403.865.616**	**1.403.865.616**
- Khấu hao trong năm	1.052.899.212	1.052.899.212
Số dư cuối năm	**2.456.764.828**	**2.456.764.828**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	**38.694.046.203**	**38.694.046.203**
Số dư cuối năm	**37.641.146.991**	**37.641.146.991**

Bất động sản đầu tư là 2.038 m^2 (trong đó diện tích thông thủy là 1.954 m^2) diện tích sàn tại nhà HH01 thuộc Dự án Trung tâm thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại số 87 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 chưa được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án vườn sinh thái Việt Hà	1.226.401.837	1.013.521.744
Dự án xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh (i)	25.028.737.360	24.381.640.304
Cộng	**26.255.139.197**	**25.395.162.048**

Ghi chú:

(i) Theo Quyết định số 4646/QĐ-UBND ngày 25/08/2016 của Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội quyết định chủ trương đầu tư dự án "Tổ hợp thương mại, dịch vụ kết hợp giới thiệu sản phẩm Công ty Đầu tư Việt Hà" tại xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 184,9 tỷ VND. Trong năm 2020, Công ty đang thực hiện công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp với người dân, tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, công tác thỏa thuận nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vẫn chưa hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà	3.931.741.215	3.931.741.215	3.463.918.610	3.463.918.610
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam - Hà Nội	531.880.000	531.880.000	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Quảng cáo Phong Cách Mới	308.558.721	308.558.721	112.326.426	112.326.426
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách Khoa	100.000.000	100.000.000	100.000.000	100.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	490.889.806	490.889.806	953.871.006	953.871.006
Cộng	**5.363.069.742**	**5.363.069.742**	**4.630.116.042**	**4.630.116.042**

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Quân Vương	547.494.167	796.652.435
Nguyễn Thị Lan Hương	-	636.391.877
Dương Văn Tuấn	549.462.225	572.063.976
Đối tượng khác	4.381.905.778	5.577.452.912
Cộng	**5.478.862.170**	**7.582.561.200**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	8.230.283	347.102.298	343.040.591	12.291.990
Thuế thu nhập cá nhân	89.586.441	1.104.076.690	969.856.742	223.806.389
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.844.544.437	3.844.544.437	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	**97.816.724**	**5.299.723.425**	**5.161.441.770**	**236.098.379**
b) Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.593.732	-	-	1.593.732
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	38.639.172	32.352.693	-	6.286.479
Các loại thuế khác	176.233	-	-	176.233
Cộng	**40.409.137**	**32.352.693**	**-**	**8.056.444**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***799.527.960***	***804.547.631***
Kinh phí công đoàn	119.680.894	112.948.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	107.400.000	249.480.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	572.447.066	442.118.737
- Chiết khấu thương mại phải trả (i)	*200.764.076*	*187.416.632*
- Các đối tượng khác	*371.682.990*	*254.702.105*
b) Dài hạn	***14.460.245.887***	***14.810.086.787***
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	9.660.245.887	10.010.086.787
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.800.000.000	4.800.000.000
- Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh (iii)	*4.800.000.000*	*4.800.000.000*
Cộng	**15.259.773.847**	**15.614.634.418**

Ghi chú:

(i) Chiết khấu thương mại phải trả khách hàng năm 2024.

(ii) Đây là các khoản tiền nhận đặt cọc mua bia, vỏ bia từ khách hàng.

(iii) Khoản góp vốn hợp tác đầu tư của Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh theo Biên bản thỏa thuận ba bên ngày 15 tháng 9 năm 2016 và Phụ lục I ngày 16 tháng 9 năm 2016 về việc xác định nghĩa vụ tài chính phải trả về việc hợp tác đầu tư dự án "Đầu tư xây dựng Khu hỗn hợp và nhà ở 11-13 Nguyễn Chí Thanh". Số dư khoản phải trả này theo biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Thăng Long - Đông Anh ghi nhận là 10,8 tỷ VND. Nguyên nhân chênh lệch do Công ty đã ghi nhận 6 tỷ VND vào thu nhập theo Thông báo kết quả kiểm toán số 669/TB-KVI ngày 25 tháng 11 năm 2016 về việc kiểm toán ngân sách địa phương năm 2015 của thành phố Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Việt Hà (tên trước khi cổ phần hoá của Công ty).

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND
Số dư đầu năm trước (Trình bày lại)	**769.000.000.000**	**659.046**	**10.190.531.263**	**13.406.735.748**	**792.597.926.057**
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.724.356.913	(6.724.356.913)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.598.688.835)	(3.598.688.835)
Chia cổ tức	-	-	-	(12.304.000.000)	(12.304.000.000)
Lãi trong năm	-	-	-	33.182.138.652	33.182.138.652
Số dư đầu năm nay (Trình bày lại)	**769.000.000.000**	**659.046**	**16.914.888.176**	**23.961.828.652**	**809.877.375.874**
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	9.901.370.862	(9.901.370.862)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(3.978.867.790)	(3.978.867.790)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(19.301.900.000)	(19.301.900.000)
Lãi trong năm	-	-	-	38.803.977.463	38.803.977.463
Số dư cuối năm nay	**769.000.000.000**	**659.046**	**26.816.259.038**	**29.583.667.463**	**825.400.585.547**

Ghi chú:

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2023, tỷ lệ chia cổ tức là 2,51% (trên vốn điều lệ của Công ty; giá trị tương ứng là 19.301.900.000 VND); trích lập Quỹ đầu tư phát triển 9.901.370.862 VND, Quỹ khen thưởng phúc lợi là 3.978.867.790 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 09 ngày 12/7/2022, vốn điều lệ của Công ty là 769.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, vốn điều lệ đã được góp đủ như sau:

	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	392.502.000.000	51,04%	392.502.000.000	51,04%
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản - Công ty Cổ phần	277.580.890.000	36,10%	277.580.890.000	36,10%
Ông Nguyễn Đức Duy	96.575.310.000	12,56%	-	0,00%
Ông Đỗ Ngọc Khanh	-	0,00%	96.575.310.000	12,56%
Các đối tượng khác	2.341.800.000	0,30%	2.341.800.000	0,30%
Cộng	**769.000.000.000**	**100%**	**769.000.000.000**	**100%**

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	74,92	74,92

22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**195.204.188.060**	**191.125.796.799**
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	*160.729.744.615*	*155.252.177.099*
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	*32.057.407.670*	*33.754.201.700*
- Doanh thu cho thuê sàn thương mại	*2.417.035.775*	*2.119.418.000*
Cộng	**195.204.188.060**	**191.125.796.799**
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	**10.624.066.441**	**10.105.387.537**
- Chiết khấu thương mại	*10.623.404.406*	*10.104.732.700*
- Giảm giá hàng bán	*662.035*	-
- Hàng bán bị trả lại	-	*654.837*
Doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ	**184.580.121.619**	**181.020.409.262**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	139.425.244.044	134.557.726.899
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.923.219.401	33.609.908.520
Giá vốn cho thuê sàn thương mại	1.354.638.091	1.297.106.080
Cộng	**172.703.101.536**	**169.464.741.499**

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.203.463.519	36.776.907.950
Cổ tức, lợi nhuận được chia	39.857.461.145	27.685.794.809
Lãi chênh lệch tỷ giá	20.946.272	51.695
Doanh thu hoạt động tài chính khác	239.575.790	125.993.200
Cộng	**70.321.446.726**	**64.588.747.654**

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (i)	2.511.697.476	1.171.338.718
Chi phí tài chính khác	12.049.634	25.430.049
Cộng	**2.523.747.110**	**1.196.768.767**

Ghi chú:

(i) Dự phòng khoản đầu tư góp vốn tại doanh nghiệp khác như trình bày tại Thuyết minh số 5.

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	13.752.743.728	14.378.005.588
Chi phí vật tư, CCDC	409.943.222	490.661.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532.405.155	752.810.418
Thuế, phí và lệ phí	46.925.275	50.065.275
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.355.962.047	1.703.721.308
Các khoản chi phí QLDN khác	5.333.566.658	5.683.432.680
Cộng	**22.431.546.085**	**23.058.696.968**
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	10.469.037.047	10.764.755.835
Chi phí vật tư, đồ dùng	2.477.925.456	2.875.621.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	845.946.479	815.102.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.599.571.155	2.331.869.268
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.387.802.789	2.034.152.065
Cộng	**19.780.282.926**	**18.821.501.146**

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.599.566.814	4.031.520.140
Chi phí nhân công	24.671.059.174	25.576.250.179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.440.473.827	2.631.825.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.362.239.922	5.714.730.835
Chi phí khác bằng tiền	8.713.095.305	7.713.948.100
Cộng	**45.786.435.042**	**45.668.274.789**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**38.803.977.463**	**33.182.138.652**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**(39.395.767.059)**	**(26.360.620.420)**
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	**461.694.086**	**1.325.174.389**
- Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	*449.000.419*	*413.144.631*
- Các khoản truy thu, chậm nộp thuế	*2.693.667*	*44.236.841*
- Các khoản chi phí không được trừ khác	*10.000.000*	*867.792.917*
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	**39.857.461.145**	**27.685.794.809**
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	*39.857.461.145*	*27.685.794.809*
Thu nhập chịu thuế	**(591.789.596)**	**6.821.518.232**
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế của Văn phòng Công ty	-	*7.111.714.906*
Thu nhập chịu thuế của nhà máy nước tinh khiết Opal	-	*(290.196.674)*
Chuyển lỗ	-	(7.111.714.906)
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo số thu nhập chịu thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sau khi đã loại trừ các khoản chi phí không được trừ tạm tính là 461.694.086 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

29. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có các khoản lỗ tính thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản lỗ lũy kế tại Văn phòng	3.852.354.131	18.296.016.495
Các khoản lỗ lũy kế tại Nhà máy Nước tinh khiết Opal	1.337.431.553	1.314.795.200
Cộng	**5.189.785.684**	**19.610.811.695**

Kế hoạch chuyển lỗ các khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty. Do Công ty chưa dự tính được khi nào sẽ có lợi nhuận để chuyển lỗ trong thời gian tới nên Công ty chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng trên báo cáo tài chính này. Các khoản lỗ này (nếu không được chuyển lỗ hàng năm) sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

29. LỖ VÀ THỜI GIAN CHUYỂN LỖ (TIẾP THEO)

Văn phòng:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ tính thuế hết hạn chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
		VND	VND	VND	VND
2019 (Đã quyết toán)	2020 - 2024	14.704.419.048	-	14.704.419.048	-
2020 (Đã quyết toán)	2021 - 2025	3.591.597.447	-	-	3.591.597.447
2024 (Chưa quyết toán)	2025 - 2029	260.756.684	-	-	260.756.684
Cộng		**18.556.773.179**	**-**	**14.704.419.048**	**3.852.354.131**

Nhà máy Nước tinh khiết Opal:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế phát sinh	Số lỗ tính thuế đã chuyển	Số lỗ đã chuyển	Số lỗ tính thuế còn được chuyển
		VND	VND	VND	VND
2020 (Chưa quyết toán)	2021 - 2025	208.770.244	-	-	208.770.244
2021 (Chưa quyết toán)	2022 - 2026	231.216.058	-	-	231.216.058
2022 (Chưa quyết toán)	2023 - 2027	276.215.665	-	-	276.215.665
2023 (Chưa quyết toán)	2024 - 2028	290.196.674	-	-	290.196.674
2024 (Chưa quyết toán)	2025 - 2029	331.032.912	-	-	331.032.912
Cộng		**1.337.431.553**	**-**	**-**	**1.337.431.553**

Số lỗ còn được chuyển sẽ có thể thay đổi theo kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn đầu tư của chủ sở hữu và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	10.361.187.081	15.683.648.211
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	825.400.585.547	809.877.375.874
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,0%**	**0,0%**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	**Số đầu năm**
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.361.187.081	15.683.648.211
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.168.119.537	31.665.606.258
Đầu tư tài chính ngắn hạn	477.000.000.000	452.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	267.680.895.182	270.192.592.658
Cộng	**784.210.201.800**	**769.541.847.127**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	20.622.843.589	20.244.750.460
Chi phí phải trả	1.324.826.214	719.119.831
Cộng	**21.947.669.803**	**20.963.870.291**

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi. Công ty chịu rủi ro khi lãi suất biến động. Rủi ro này sẽ do Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản tiền gửi với lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, theo dõi sự biến động của nền kinh tế trong nước và thế giới để có được các lãi suất có lợi cho Công ty và sử dụng các đòn bẩy tài chính hiệu quả.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng bởi biến động về giá cổ phiếu trên thị trường cũng như tính không chắc chắn về giá trị cổ phiếu trong tương lai. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thường xuyên phân tích diễn biến của thị trường và cổ phiếu của doanh nghiệp Công ty đầu tư, đưa ra hạn mức đầu tư hợp lý. Mặt khác, Ban Lãnh đạo Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc một hợp đồng mà khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, nên làm cho Công ty bị tổn thất về tài chính. Công ty sẽ chịu rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu và từ hoạt động tài chính như tiền gửi ngân hàng.
Đối với các khoản phải thu khách hàng: Công ty quản lý rủi ro đối với các khoản phải thu dựa trên các chính sách, thủ tục kiểm soát cũng như dự phòng nợ phải thu khó đòi. Công ty theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, phân tích tình hình tín dụng của từng khách hàng tại từng thời điểm.

Đối với tiền gửi ngân hàng: Công ty duy trì thực hiện gửi tiền tại các ngân hàng mà Công ty đánh giá là có uy tín và có quan hệ lâu năm với Công ty.

Đây là rủi ro khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu là do các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Tính thanh khoản được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro thanh khoản

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.361.187.081	-	10.361.187.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.267.704.382	14.900.415.155	29.168.119.537
Đầu tư tài chính ngắn hạn	477.000.000.000	-	477.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	267.680.895.182	267.680.895.182
Cộng	**501.628.891.463**	**282.581.310.337**	**784.210.201.800**
Số cuối năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	6.162.597.702	14.460.245.887	20.622.843.589
Chi phí phải trả	1.324.826.214	-	1.324.826.214
Cộng	**7.487.423.916**	**14.460.245.887**	**21.947.669.803**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**494.141.467.547**	**268.121.064.450**	**762.262.531.997**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.683.648.211	-	15.683.648.211
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.765.191.103	14.900.415.155	31.665.606.258
Đầu tư tài chính ngắn hạn	452.000.000.000	-	452.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	270.192.592.658	270.192.592.658
Cộng	**484.448.839.314**	**285.093.007.813**	**769.541.847.127**
Số đầu năm			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.434.663.673	14.810.086.787	20.244.750.460
Chi phí phải trả	719.119.831	-	719.119.831
Cộng	**6.153.783.504**	**14.810.086.787**	**20.963.870.291**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**478.295.055.810**	**270.282.921.026**	**748.577.976.836**

Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 ở mức thấp.

31. THÔNG TIN KHÁC

Theo Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ; Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Công văn số 4280/UBND-KTTH ngày 19 tháng 12 năm 2024 về việc phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025, Công ty nằm trong danh mục thoái toàn bộ vốn góp của nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

32. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán. Một số số liệu của năm trước được trình bày lại do phát hiện một số sai sót cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Khoản mục	Mã số	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Đầu tư vào công ty con	251	132.757.019.388	(358.218.860)	132.398.800.528	(i)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	121.970.585.573	(3.674.669.539)	118.295.916.034	(i)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	79.330.795.360	(9.114.435.891)	70.216.359.469	(i)
Quỹ đầu tư phát triển	418	20.841.902.466	(3.927.014.290)	16.914.888.176	(i)
Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a	-	(9.220.310.000)	(9.220.310.000)	(i)

Ghi chú:

(i) Theo Quyết định số 4A/2025/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Quản trị, Công ty: (i) Điều chỉnh giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác tương ứng với cổ tức/lợi nhuận được chia từ lợi nhuận chưa phân phối của các công ty này trước thời điểm cổ phần hoá; (2) Ghi giảm giá trị trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt nội dung điều chỉnh này tại kỳ họp tới.

Mai Xuân Sơn	**Trần Hòa Bình**	**Trần Hòa Bình**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2025